

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2024
V/v tranh chấp yêu cầu không công
nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Dương Thắng

Ông Kiêm Việt Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 29 và ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2023 của nguyên đơn là bà Trần Thị D và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị D và ông Huỳnh Ngọc T quen biết tìm hiểu nhau và cả hai đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, rất hạnh phúc và có một người con chung tên

Huỳnh Thị Ngọc D1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991. Hiện nay Huỳnh Thị Ngọc D1 đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Bà và ông T đã không còn sống chung với nhau hơn 10 năm nay, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, dẫn đến thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc và ông bà đã không còn sống chung từ đó cho đến nay.

Tại phiên tòa bà D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Huỳnh Ngọc T.

Về con chung: Có một người con chung tên Huỳnh Thị Ngọc D1 sinh ngày 01/01/1991, đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Trần Thị D đã nộp bản chính Giấy xác nhận về việc trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 24 tháng 9 năm 2023 và Giấy khai sinh của chị Huỳnh Thị Ngọc D1

* Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Ngọc T trình bày: Bị đơn thừa nhận những lời trình bày của nguyên đơn D về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và trong quá trình chung sống có một người con chung là chị Huỳnh Thị Ngọc D1, sinh ngày 01/01/1991 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, là hoàn toàn đúng sự thật. Ông bà đã sống ly thân năm 2014 cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn D, bị đơn không có ý kiến đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 27 tháng 3 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị D lập ngày 22 tháng 9 năm 2023 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn D nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn D và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ

án: Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2023 bà Trần Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Huỳnh Ngọc T và ông T cư trú tại địa chỉ ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Diệt trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung giữa các đương sự như sau: Nguyên đơn và bị đơn Huỳnh Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nguyên đơn và bị đơn có chung với nhau một người con chung là chị Huỳnh Thị Ngọc D1, sinh ngày 01/01/1991. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn D phù hợp với đơn xin xác nhận đề ngày 24 tháng 9 năm 2023 của nguyên đơn và giấy khai sinh của chị D1 mà nguyên đơn D đã cung cấp cho Tòa án và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*” nên Hội đồng xét xử xác định các tình tiết này là sự thật.

[3] Trong quá trình sống chung, ông Huỳnh Ngọc T và bà Trần Thị D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, ông T và bà D đều thừa nhận trong thời gian chung sống như vợ chồng cho đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn và cũng tại Giấy xác nhận trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã P đề ngày 24 tháng 9 năm 2023 đã xác nhận từ năm 1989 đến nay ông T và bà D vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì: “N và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Nên việc bà Trần Thị D và ông Huỳnh Ngọc T yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà và ông Huỳnh Ngọc T là vợ chồng là có căn cứ.

[4] Do quan hệ giữa bà Trần Thị D và ông Huỳnh Ngọc T không được công nhận là vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết vấn đề

mức độ và nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống theo yêu cầu của bà D.

[5] Về con chung là chị Huỳnh Thị Ngọc D1, sinh ngày 01/01/1991 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động; về tài sản chung bà Trần Thị D và ông Huỳnh Ngọc T tự thỏa thuận, còn nợ chung tại phiên tòa bà D và ông T đều tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D.

[7] Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D:

1.1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị D và ông Huỳnh Ngọc T.

1.2. Về con chung: Do chị Huỳnh Thị Ngọc D1 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị D và ông Huỳnh Ngọc T tự thỏa thuận nên không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị D và ông Huỳnh Ngọc T đều tự trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị D phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000859 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị D và ông Huỳnh Ngọc T có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- UBND xã Phú Tân;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ